

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số :28/2022/HC-ST
Ngày : 17 - 6 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Lý

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 10/2021/TLST-HC ngày 01 tháng 3 năm 2021 và thụ lý bổ sung ngày 07/6/2021 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/2022/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Ha, sinh năm 1931; cư trú tại thôn H, xã Phước H, huyện T, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hảo : Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1962; cư trú tại thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/3/2021 của Văn phòng công chứng Bình Định); (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh N-Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định là người đại diện theo pháp luật (có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định: Ông Huỳnh Thanh V-Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là người đại diện theo pháp luật (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1960; (có mặt)

3. Bà Đoàn Thị Tuyết V, sinh năm 1964; (có mặt)

4. Anh Đoàn Văn X, sinh năm 1972; (vắng mặt)

5. Anh Đoàn Văn Ph, sinh năm 1974; (vắng mặt)

6. Anh Trương Thành Đ, sinh năm 1985; (vắng mặt)

7. Anh Trương Văn Th, sinh năm 1990; (vắng mặt)

8. Anh Trương Văn T, sinh năm 1991; (vắng mặt)

9. Chị Trương Thị Tuyết Ng, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Đồng cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện Tuy P, tỉnh Bình Định;

10. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1962; cư trú tại: Thôn Lương Bình, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; (có mặt)

11. Ông Đoàn Văn Ng, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn T, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định; (vắng mặt)

12. Chị Đoàn Thị Mỹ Ho, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn Tân Giản, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; (vắng mặt).

13. Chị Đoàn Thị Mỹ Tuyết Ng, sinh năm 1975; cư trú tại: Khối 9, thị trấn Đắc Mil, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông; (vắng mặt)

14. Anh Đoàn Hữu Đức, sinh năm 1976; cư trú tại số nhà 109 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Mỹ Đông, TP. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)

15. Ông Trương Văn N, sinh năm 1966 (chết năm 2019)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn N

1. Bà Đoàn Thị Tuyết V, sinh năm 1964; (có mặt)

2. Anh Trương Thành Đ, sinh năm 1985; (vắng mặt)

3. Anh Trương Văn Th, sinh năm 1990; (vắng mặt)

4. Anh Trương Văn T, sinh năm 1991; (vắng mặt)

5. Chị Trương Thị Tuyết Ng, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại : Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện của bà Phạm Thị Ha và người đại diện theo ủy quyền của bà Ha là ông Đoàn Văn H trình bày:

Nguồn gốc đất tại thửa 154, tờ bản đồ số 17 là của vợ chồng bà mua vào năm 1960, diện tích 2000m², vợ chồng bà ở, các con bà trưởng thành vợ chồng bà cho các con xây nhà ở không xảy ra tranh chấp gì. Năm 1993 Cơ quan có thẩm quyền cấp cơ sở đã đo đạc và lập sổ địa chính đối với các thửa 154, 155, 156, tờ bản đồ số 17. Hợp tác với cơ quan có thẩm quyền địa phương, lập hồ sơ giả mạo để cấp GCNQSDĐ cho bà Đoàn Thị Tuyết V. Vợ chồng bà cho vợ chồng bà V xây nhà ở tạm trên ngôi nhà cũ của ông Đoàn Văn Th, bà chưa có văn bản nào cho, tặng vợ chồng Đoàn Thị Tuyết V thửa đất 154. Vào ngày 14/8/2020, bà được bà Đoàn Thị Tuyết V cho biết vợ chồng bà V đã làm GCNQSDĐ rồi bà không có quyền ngăn cản. Việc Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V đã giả mạo chữ ký của bà để được Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ giả để đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ là vi phạm pháp luật. Chồng bà là cha của ông Đoàn Văn H chết năm 1990 nhưng tại giấy đăng ký chứng nhận QSDĐ cho ông Trương Văn Ngà ghi cha mẹ vợ cho năm 1992. Hơn nữa, bà Phạm Thị Ha chưa có giấy tờ nào tặng, cho ông Trương Văn N. Bà cho vợ chồng Trương Văn N xây nhà ở tạm do lúc đó bà V có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà Ha cho ở tạm nhà ông Thao, sau đó vợ chồng bà bán bạc cho vợ chồng bà V xây nhà cấp 4 sau này có điều kiện xây nhà riêng, sau này sẽ thương lượng giá trị rồi thối lại giá trị nhà cho vợ chồng bà V, còn nhà thì giao lại. Vì lý do đó nên vợ chồng bà V mới ở trên thửa đất 154. UBND xã Phước Hòa tự ý lấy đất của gia đình bà H đăng ký cho Trương Văn N là không đúng quy định pháp luật. Nên bà làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa xem xét và hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 đứng tên Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 17, do UBND huyện T cấp ngày 14/5/2018 (nay là thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã Ph, huyện T).

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện T, tỉnh Bình Định ông Huỳnh N trình bày:

Ngày 16/3/2018, ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V làm đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được UBND xã P thông báo công khai số 39/TB-UBND ngày 19/3/2018 và lập biên bản kết thúc công khai kết quả xét duyệt ngày 09/4/2018 (thời gian công khai kể từ ngày 19/3/2018 đến hết ngày 02/4/2018) đúng theo quy định, UBND xã đã xác nhận vào đơn và đề nghị cấp GCN vào ngày 03/4/2018. Sau khi tiếp nhận và xem xét hồ sơ. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã có ý kiến đủ điều kiện cấp GCN cho ông Trương Văn N vào ngày 26/4/2018 và lập thủ tục chuyển thuế, thực hiện các thủ tục theo quy định. Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T có tờ trình số 432/TTr-TNMT ngày 11/5/2018 đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn Ngà và bà Đoàn Thị Tuyết V theo quy định. UBND huyện đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V vào ngày 14/5/2018, tại thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích

503,8m² (trong đó đất ở tại đô thị 500m², đất trồng cây hàng năm khác 3,8m²), tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, số phát hành CN 410090, số vào sổ cấp GCN CH08432. Từ những cơ sở nêu trên, việc UBND huyện T không hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V tại thửa đất nêu trên là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, UBND huyện T không hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V như theo đơn yêu cầu của bà Phạm Thị Ha.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã P ông Huỳnh Thanh V trình bày:

Ngày 16/3/2018, ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V liên hệ với UBND xã P xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m² (hồ sơ địa chính năm 2013), tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, thửa đất này năm 2013 thể hiện tại thửa số 154, tờ bản đồ số 17, diện tích 610m², đứng tên kê khai chủ sử dụng là ông Trương Văn N (chồng bà Đoàn Thị Tuyết V). Thửa đất đã đăng ký vào sổ mục kê trang 62, quyển số 2 được giám đốc sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên môi trường) ký ngày 15/12/1997. Trên cơ sở trình bày của vợ chồng ông Trương Văn N, kết quả kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất (thực tế do vợ chồng ông Trương Văn N sử dụng làm nhà ở) hồ sơ địa chính và kết quả lấy ý kiến khu dân cư, UBND xã P xác định ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V là chủ sử dụng đối với thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m² (diện tích đo đạc thực tế cấp GCNQSDĐ), tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Vì thế UBND xã P tiến hành các trình tự thủ tục, công khai, xác nhận nguồn gốc đất đối với yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V theo quy định pháp luật. Việc UBND xã P tiến hành các trình tự thủ tục, xác nhận nguồn gốc đất đối với yêu cầu cấp GCNQSDĐ của ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V tại thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m², tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T là đúng với quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Tuyết V, anh Trương Thành Đ, anh Trương Văn Th, anh Trương Văn T, chị Trương Thị Tuyết Ngo cùng trình bày:

Bà Đoàn Thị Tuyết V có chồng là Trương Văn N (đã chết). Nguồn gốc thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m², tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Khi vợ chồng bà cưới nhau cha mẹ cho đất và nhà tranh khoảng 10m², vợ chồng bà về sinh sống trước năm 1992, được cha mẹ cho phép tách khẩu và tách thửa, vợ chồng bà có 04 người con, khi đó đất cha mẹ cho chỉ vừa đủ để cái giường, vợ chồng bà bỏ công bồi trúc coi nới được như ngày hôm nay. Từ khi cha mẹ cho đến nay vợ chồng bà sống ổn định và đóng thuế đất cho Nhà nước đầy đủ và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất. Năm 1999 do ảnh hưởng cơn bão số 10 nhà vợ chồng bà bị sập, Nhà nước hỗ trợ 3.000.000 đồng xây dựng nhà cấp 4 năm 2000. Từ năm 2015-2020, vợ chồng bà được chính quyền thông báo dự án làm bờ kè Đập Nha Phu đi ngang qua phần đất gia đình bà đang sử dụng và gia đình bà đã đồng ý hiến đất để Nhà nước làm dự án. Nhà nước bồi thường thiệt hại cho gia đình bà gồm chuồng heo, chuồng gà và cây trồng cộng với đất tổng số tiền

63.700.000 đồng. Trong đó, ông Đoàn Văn Thao và ông Đoàn Văn H là anh bà nổi lòng tham xúi giục mẹ bà là bà Phạm Thị H đòi lại đất để nhận khoản tiền Nhà nước bồi thường cho gia đình bà. Khi đến UBND xã P để giải quyết thì UBND xã P công nhận số tiền được Nhà nước bồi thường thuộc về gia đình bà không liên quan gì đến ông Đoàn Văn Th và ông Đoàn Văn H, vì dự án làm trúng phần đất của gia đình bà đang sử dụng và được Nhà nước cấp phép cho đến hôm nay ông Đoàn Văn Thao, ông Đoàn Văn H vẫn xúi giục mẹ để chiếm đoạt phần đất vợ chồng bà đã bồi trúc và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Bà và các con Trương Thành Đ, Trương Văn Th, Trương Văn T, Trương Thị Tuyết Ng cùng viết bản khai này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn Th trình bày:

Nguồn gốc đất tại thửa 154, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn Hữu Thành, xã P, huyện T là của ông bà để lại cho cha mẹ ông từ năm 1960. Năm 1985, sau khi kết hôn vợ chồng bà V ở nhà cha mẹ chồng do phía nhà ông N anh em đông nên cha mẹ ông bảo ông về ở chung với cha mẹ, nhường ngôi nhà tranh ông đang ở cho vợ chồng ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V ở tạm sau này tính sau. Đầu năm 2000, ngôi nhà của ông cho vợ chồng ông Trương Văn N ở tạm đã xuống cấp và hư hỏng nặng, vợ chồng ông N về thưa với cha mẹ ông xin cha mẹ và hai anh (Th và H) để làm lại ngôi nhà để ở và cam kết khi nào vợ chồng có điều kiện xây dựng nhà khác sẽ trả lại cho cha mẹ và các anh em sẽ thối lại tiền cho vợ chồng. Đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bà Vân công khai với mẹ ông, đất này thuộc quyền của bà V và bà V đã làm GCNQSDĐ rồi. Năm 1993, cơ quan có thẩm quyền cấp cơ sở đã lập trên sơ đồ địa chính là đất của mẹ ông là bà Phạm Thị Ha gồm 03 thửa (154, 155, 156) thuộc tờ bản đồ số 17 và ngôi nhà của vợ chồng N, Vân đang ở đã xây dựng trên thửa đất 154. Năm 2018, vợ chồng N, V đã lên làm hồ sơ xin GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Ông yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Mỹ H trình bày:

Nguồn gốc đất tại thửa 154, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T là của ông bà để lại cho cha mẹ ông từ năm 1960. Năm 1985, lúc đó bà còn nhỏ ở chung với ba mẹ được biết anh Th đang ở ngôi nhà tranh cuối thửa đất, lúc này chị Vân có gia đình do khó khăn về kinh tế, nên cha mẹ bà bảo anh Th về nhà ở chung với cha mẹ, giao ngôi nhà tranh ông đang ở cho vợ chồng chị V ở tạm. Đầu năm 2000, ngôi nhà của anh Th cho vợ chồng ông Trương Văn N ở tạm đã xuống cấp, vợ chồng chị V hỏi mẹ làm lại ngôi nhà để ở và cam kết khi nào có điều kiện làm nhà riêng thì giao lại nhà cho mẹ và mẹ thối lại tiền cho vợ chồng chị V. Nên mẹ và các anh chị em của bà đã đồng ý, không xảy ra tranh chấp gì đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị V công khai với mẹ bà, đất này đã cấp GCNQSDĐ cho chị V rồi. Năm 1993, cơ quan có thẩm quyền cấp cơ sở đã lập trên sơ đồ địa chính là đất của mẹ bà là bà Phạm Thị Ha gồm 03 thửa (154, 155, 156)

thuộc tờ bản đồ số 17 và ngôi nhà của vợ chồng N, V đang ở đã xây dựng trên thửa đất 154. Năm 2018, vợ chồng N, V đã lên làm hồ sơ xin GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Bà yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn Hữu Thành, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Ph trình bày:

Nguồn gốc đất tại thửa 154, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T là của ông bà để lại cho cha mẹ ông từ năm 1960. Năm 1985, anh Th đang ở ngôi nhà tranh cuối thửa đất, lúc này chị V có gia đình do khó khăn về kinh tế, nên cha mẹ ông bảo anh Th về nhà ở chung với cha mẹ, giao ngôi nhà tranh ông đang ở cho vợ chồng chị V ở tạm. Đầu năm 2000, ngôi nhà của anh Th cho vợ chồng ông Trương Văn N ở tạm đã hư hỏng, vợ chồng chị V về xin phép mẹ làm lại ngôi nhà để ở và cam kết khi nào có điều kiện làm nhà riêng thì giao lại nhà cho mẹ và mẹ thối lại tiền cho vợ chồng chị V. Nên mẹ và các anh chị em của ông đã đồng ý, không xảy ra tranh chấp gì đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị V công khai với mẹ bà, đất này đã cấp GCNQSDĐ cho chị V rồi. Năm 1993, cơ quan có thẩm quyền cấp cơ sở đã lập trên sơ đồ địa chính là đất của mẹ ông là bà Phạm Thị Ha gồm 03 thửa (154, 155, 156) thuộc tờ bản đồ số 17 và ngôi nhà của vợ chồng Ngà, Vân đang ở đã xây dựng trên thửa đất 154. Năm 2018, vợ chồng Ngà, Vân đã lên làm hồ sơ xin GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Ông yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hữu Đ trình bày:

Nguồn gốc đất tại thửa 154, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Hữu Thành, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước là của ông bà để lại cho cha mẹ ông từ năm 1960. Năm 1985, anh Th đang ở ngôi nhà tranh cuối thửa đất, lúc này chị V có gia đình do khó khăn về kinh tế, nên cha mẹ ông bảo anh Th về nhà ở chung với cha mẹ, giao ngôi nhà tranh ông đang ở cho vợ chồng chị V ở tạm. Đầu năm 2000, ngôi nhà của anh Th cho vợ chồng ông Trương Văn N ở tạm đã hư hỏng, vợ chồng chị Vân về xin phép mẹ làm lại ngôi nhà để ở và cam kết khi nào có điều kiện làm nhà riêng thì giao lại nhà cho mẹ và mẹ thối lại tiền cho vợ chồng chị Vân. Nên mẹ và các anh chị em của ông đã đồng ý, không xảy ra tranh chấp gì đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị V công khai với mẹ bà, đất này đã cấp GCNQSDĐ cho chị V rồi. Năm 1993, cơ quan có thẩm quyền cấp cơ sở đã lập trên sơ đồ địa chính là đất của mẹ ông là bà Phạm Thị Ha gồm 03 thửa (154, 155, 156) thuộc tờ bản đồ số 17 và ngôi nhà của vợ chồng N, V đang ở đã xây dựng trên thửa đất 154. Năm 2018, vợ chồng Ngà, Vân đã lên làm hồ sơ xin GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Ông yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số

9, tọa lạc tại thôn Hữu Thành, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước cấp cho Trương Văn Ngà và Đoàn Thị Tuyết Vân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Ngo trình bày:

Nguồn gốc đất tại thửa 154, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T là của ông bà để lại cho cha mẹ ông từ năm 1960. Năm 1985, anh Thao đang ở ngôi nhà tranh cuối thửa đất, lúc này chị V có gia đình do khó khăn về kinh tế, nên cha mẹ ông bảo anh Th về nhà ở chung với cha mẹ, giao ngôi nhà tranh ông đang ở cho vợ chồng chị V ở tạm. Đầu năm 2000, ngôi nhà của anh Th cho vợ chồng ông Trương Văn N ở tạm đã hư hỏng, vợ chồng chị Vân về xin phép mẹ làm lại ngôi nhà để ở và cam kết khi nào có điều kiện làm nhà riêng thì giao lại nhà cho mẹ và mẹ thối lại tiền cho vợ chồng chị V. Nên mẹ và các anh chị em của ông đã đồng ý, không xảy ra tranh chấp gì đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị V công khai với mẹ bà, đất này đã cấp GCNQSDĐ cho chị V rồi. Năm 1993, cơ quan có thẩm quyền cấp cơ sở đã lập trên sơ đồ địa chính là đất của mẹ ông là bà Phạm Thị Ha gồm 03 thửa (154, 155, 156) thuộc tờ bản đồ số 17 và ngôi nhà của vợ chồng N, V đang ở đã xây dựng trên thửa đất 154. Năm 2018, vợ chồng Ngà, Vân đã lên làm hồ sơ xin GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T. Ông yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Xuân trình bày:

Sau khi mẹ ông bà Phạm Thị Ha biết được cơ quan có thẩm quyền đã cấp GCN QSDĐ đứng tên Trương Văn N, Đoàn Thị Tuyết V tại thửa 154, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T mà chủ sở hữu là bà Phạm Thị Ha. Việc lập hồ sơ giả mạo để đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V, bà Phạm Thị Ha đã khởi kiện. Ông yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Mỹ Tuyết Ngtrình bày:

Sau khi mẹ bà là bà Phạm Thị Ha biết được cơ quan có thẩm quyền đã cấp GCN QSDĐ đứng tên Trương Văn N, Đoàn Thị Tuyết V tại thửa 154, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T mà chủ sở hữu là bà Phạm Thị Ha. Việc lập hồ sơ giả mạo để đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V, bà Phạm Thị Ha đã khởi kiện. Bà yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số 410090 số vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn H trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày trên mà ông là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phạm Thị Ha, ông không có ý kiến gì thêm

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Ngà (chết năm 2019) những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn Ngà: Bà Đoàn Thị Tuyết V, anh Trương Thành Đ, anh Trương Văn Th, anh Trương Văn T, chị Trương Thị Tuyết Ngo thống nhất như bản khai và không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ha về việc hủy GCNQSDĐ số 410090 sổ vào sổ GCN: CH08432 cấp ngày 14/5/2018 với thửa 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m², tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T cấp cho Trương Văn N và Đoàn Thị Tuyết V.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Phạm Thị Ha theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 05/4/2022, ông Huỳnh N – Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin xét xử vắng mặt). Ngày 09/6/2022, ông Huỳnh Thanh V – Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (có đơn xin xét xử vắng mặt). Ông Đoàn Văn Xuân, bà Đoàn Thị Mỹ Tuyết Ng, bà Đoàn Thị Mỹ H, ông Đoàn Hữu Đ, ông Đoàn Văn Ng, ông Đoàn Văn Ph, anh Trương Văn T, chị Trương Thị Tuyết Ngo, anh Trương Thành Đ, anh Trương Văn Th đã được Tòa triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Bà Phạm Thị Ha khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số phát hành CN410090, sổ vào sổ cấp GCN: CH08432. Ngày 14/5/2018 của UBND huyện T cấp cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V tại thửa đất số 629, tờ bản đồ

số 9, diện tích 503,8m², tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. GCNQSDĐ nói trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

Vào các ngày 16/12/2020 và ngày 30/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị Ha yêu cầu Tòa án hủy quyết định hành chính nói trên là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung

[2.1] Về thời hiệu, thời hạn, hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành GCNQSDĐ số GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 do UBND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cấp cho ông Trương Văn N, bà Đoàn Thị Tuyết V.

Về thời hiệu, thời hạn:

Căn cứ quy định Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai, thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường về việc quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì UBND huyện T, tỉnh Bình Định ban hành GCNQSDĐ số GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 cấp cho ông Trương Văn N, bà Đoàn Thị Tuyết V là đúng quy định của pháp luật.

Về hình thức:

Căn cứ quy định của Luật đất đai năm 2013, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho ông Trương Văn N, bà Đoàn Thị Tuyết V được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục:

Về trình tự, thủ tục ban hành GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN:CH08432 ngày 14/5/2018 do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V là phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2013, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Về thẩm quyền:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì ông Nguyễn Đình Th – Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bình Định, theo lĩnh vực được phân công (ủy quyền thường xuyên) ký ban hành GCNQSDĐ, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 cấp cho ông Trương Văn N, bà Đoàn Thị Tuyết V là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung GCNQSDĐ số: GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp cho ông Trương Văn N, bà Đoàn Thị Tuyết V. Ngày 16/3/2018 vợ chồng ông Trương Văn N, bà Đoàn Thị Tuyết V làm đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m² (hồ sơ địa chính năm 2013) tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, thửa đất này là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 17, diện tích 610m², đứng tên kê khai chủ sử dụng là ông Trương Văn N (chồng bà Đoàn Thị Tuyết V). Thửa đất đã đăng ký vào sổ mục kê trang số 62, quyển số 2 được giám đốc Sở địa chính (Nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định) ký ngày 15/12/1997. Qua kết quả kiểm tra hiện trạng thực tế thửa đất do vợ chồng ông Trương Văn N sử dụng làm nhà ở cũng như qua hồ sơ và kết quả lấy ý kiến khu dân cư. UBND xã P xác định ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V là chủ sử dụng đối với thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8m² (diện tích đo vẽ thực tế để cấp GCNQSDĐ, tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Vì thế, UBND xã P tiến hành các trình tự thủ tục, công khai, xác nhận nguồn gốc đất đối với yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V.

Sau khi UBND xã P thông báo công khai số 39/TB-UBND ngày 19/3/2018 và lập biên bản kết thúc công khai kết quả xét duyệt ngày 09/4/2018 (thời gian công khai kể từ ngày 02/4/2018) đúng theo quy định, UBND xã P đã xác nhận vào đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ vào ngày 03/4/2018. Sau khi tiếp nhận và xem xét hồ sơ, chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đã có ý kiến đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V nên ngày 26/4/2018 lập thủ tục chuyển thuê, thực hiện các thủ tục theo quy định. Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T có tờ trình số 432/TTr-TNMT ngày 11/5/2018 đề nghị UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V theo quy định của pháp luật. UBND huyện Tuy Phước đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trương Văn N và bà Đoàn Thị Tuyết V vào ngày 14/5/2018 tại thửa 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8 m² (trong đó đất ở nông thôn 500m², đất trồng cây hàng năm khác 3,8m²), tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, số phát hành CN410090, số vào sổ cấp GCN: CH08432 theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ha về việc yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN410090, số vào sổ cấp GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 của UBND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cấp cho ông Trương Văn N, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị Tuyết V, sinh năm 1964, tại thửa đất 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8 m² (trong đó đất ở nông thôn 500m², đất trồng cây hàng năm khác 3,8m²), tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 29 Luật tổ tụng hành chính, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Ha thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. Căn cứ Điều 29 Luật tổ tụng hành chính, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ha về việc yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CN410090, số vào sổ cấp GCN: CH08432 ngày 14/5/2018 của UBND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định cấp cho ông Trương Văn N, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị Tuyết V, sinh năm 1964 tại thửa số 629, tờ bản đồ số 9, diện tích 503,8 m² (trong đó đất ở nông thôn 500m², đất trồng cây hàng năm khác 3,8m²), tọa lạc tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ha thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm. Nên bà Phạm Thị Ha không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thanh Lý Nguyễn Thị Thúy Hồng

Nguyễn Thanh Tuấn